

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước sau khi hoàn thành đưa dự án vào khai thác, sử dụng đều phải quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này.

2. "Vốn đầu tư được quyết toán" là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp

pháp là chi phí được thực hiện đúng với hồ sơ thiết kế - dự toán đã phê duyệt, bảo đảm đúng quy chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ tài chính - kế toán, hợp đồng kinh tế đã ký kết và những quy định của Nhà nước có liên quan. Vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có).

3. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư phải xác định đầy đủ, chính xác tổng chi phí đầu tư đã thực hiện; phân định rõ nguồn vốn đầu tư; chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư dự án; giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: tài sản cố định, tài sản lưu động; đồng thời phải đảm bảo đúng nội dung thời gian lập, thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

4. Đối với các dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án, trong đó nếu từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án có thể độc lập và hành khai thác hoặc thực hiện theo phân kỳ đầu tư được ghi trong văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được thực hiện quyết toán vốn đầu tư như một dự án đầu tư độc lập tương ứng với quy định về phân nhóm dự án (A, B, C) của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng phù hợp với từng thời kỳ đầu tư.

Hàng năm, chủ đầu tư và cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư (được giao nhiệm vụ quản lý chung dự án - nếu có) có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ tình hình thực hiện dự án, tình hình quyết toán vốn đầu tư của dự án báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư và cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư (nêu trên) có trách nhiệm quyết toán các chi phí chung liên quan tới dự án trình Bộ chủ quản phê duyệt và tổng hợp chung vào kết quả quyết toán vốn đầu tư

của toàn dự án để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Đối với các dự án có nhiều hạng mục công trình mà mỗi hạng mục công trình hoặc nhóm hạng mục khi hoàn thành có thể đưa vào khai thác, sử dụng độc lập, thì chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo hạng mục, trình người có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị đề nghị quyết toán của hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây lắp, chi phí thiết bị và các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư phải tổng quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung của dự án cho từng hạng mục công trình thuộc dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán phê duyệt.

6. Đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nước ngoài (vốn do Nhà nước bảo lãnh, vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài) khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này và các quy định liên quan của Điều ước quốc tế (nếu có).

7. Đối với dự án của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, dự án có yêu cầu cơ mật thuộc an ninh quốc phòng, dự án mua sắm vũ khí, việc quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất và kiến nghị của cơ quan có dự án.

8. Thông qua công tác quyết toán vốn đầu tư nhằm đánh giá kết quả quá trình đầu tư, xác định năng lực sản xuất, giá trị tài sản mới tăng thêm do đầu tư mang lại; xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, các nhà thầu, cơ quan cấp vốn, cho vay, kiểm soát thanh toán, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; đồng thời qua đó rút kinh nghiệm nhằm không ngừng hoàn thiện cơ chế chính sách của Nhà nước, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý vốn đầu tư trong cả nước.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NỘI DUNG BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

1. Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư).

2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Chi tiết theo cơ cấu xây lắp, thiết bị, chi phí khác; chi tiết theo hạng mục, khoản mục chi phí đầu tư.

3. Xác định chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng không thuộc phạm vi và đối tượng được bảo hiểm.

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thực hiện các công việc phải hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Xác định số lượng và giá trị tài sản hình thành qua đầu tư của dự án, công trình hoặc hạng mục công trình (sau đây gọi chung là dự án); chi tiết theo nhóm, loại tài sản cố định, tài sản lưu động theo chi phí thực tế. Đối với các dự án có thời gian thực hiện đầu tư lớn hơn 36 tháng tính từ ngày khởi công đến ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải thực hiện quy đổi vốn đầu tư về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

- Việc phân bổ chi phí khác cho từng tài sản cố định được xác định theo nguyên tắc: Chi phí trực tiếp liên quan đến tài sản cố định nào thì tính cho tài sản cố định đó; chi phí chung liên quan đến nhiều tài sản cố định thì phân bổ theo tỷ lệ chi phí trực tiếp của từng tài sản cố định so với tổng số chi phí trực tiếp của toàn bộ tài sản cố định.

- Trường hợp tài sản do đầu tư mang lại được

bàn giao cho nhiều đơn vị sử dụng phải xác định đầy đủ danh mục và giá trị của tài sản cố định, tài sản lưu động của dự án bàn giao cho từng đơn vị.

II. BIỂU MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

1. Đối với dự án hoàn thành:

Gồm các biểu theo Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08/QTDA kèm theo.

2. Đối với hạng mục công trình hoàn thành:

Gồm các biểu theo Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06/QTDA kèm theo.

3. Đối với dự án quy hoạch hoàn thành, quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư của các dự án được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Gồm các biểu theo Mẫu số: 07, 08, 09/QTDA kèm theo.

4. Nơi nhận báo cáo quyết toán:

- Cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán;
- Cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư (Nếu có);
- Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán.

III. HỒ SƠ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN (GỒM 01 BỘ GỬI CƠ QUAN THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN)

1. Đối với dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành:

1.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc).

1.2. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo quy định tại Mục I, II Phần II của Thông tư này (bản gốc).

1.3. Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/ QTDA (bản gốc hoặc bản sao).

1.4. Các hợp đồng kinh tế, các biên bản thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu, các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện dự án (bản gốc hoặc bản sao).

1.5. Các biên bản nghiệm thu giai đoạn, biên bản tổng nghiệm thu bàn giao dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (bản gốc hoặc bản sao).

1.6. Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng A - B, bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành của tất cả các gói thầu trong dự án (bản gốc).

1.7. Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán vốn đầu tư của tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có, bản gốc); kèm văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán: nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất, kiến nghị.

Trong quá trình thẩm tra, Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình cho cơ quan thẩm tra các tài liệu phục vụ công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư của dự án: Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công, hồ sơ đấu thầu, dự toán thiết kế, dự toán bổ sung (nếu có) và các hồ sơ chứng từ thanh toán có liên quan.

2. Đối với dự án quy hoạch; quyết toán chi phí chuẩn bị đầu tư của các dự án được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

2.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc).

2.2. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo quy định tại Mục I, II Phần II của Thông tư này (bản gốc).

2.3. Tập các văn bản pháp lý có liên quan (bản gốc hoặc bản sao).

2.4. Các hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với các nhà thầu; biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao).

Trong quá trình thẩm tra, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư của dự án khi được cơ quan thẩm tra quyết toán yêu cầu.

IV. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN, CƠ QUAN THẨM TRA QUYẾT TOÁN

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối với các dự án còn lại, người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng thời là người phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án.

3. Cơ quan thẩm tra quyết toán vốn đầu tư:

3.1. Đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán.

3.2. Đối với các dự án còn lại:

- Dự án trung ương quản lý do người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư quyết định đơn vị chức năng trực thuộc chủ trì tổ chức thẩm tra.

- Dự án địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) quản lý do Sở Tài chính - Vật giá chủ trì tổ chức thẩm tra.

- Dự án cấp quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh quản lý do Phòng Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập tổ tư vấn thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Thành phần tổ tư vấn thẩm tra gồm thành viên của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng có liên quan.

V. THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

1. Hình thức tổ chức thẩm tra:

1.1. Sau khi lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư

của dự án theo nội dung, mẫu biểu quy định tại Mục I, II nêu trên; chủ đầu tư có văn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán kèm theo báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án hoàn thành.

1.2. Tùy theo điều kiện cụ thể về quy mô của dự án và bộ máy chuyên môn thẩm tra trực thuộc, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có thể quyết định một trong hai hình thức thẩm tra quyết toán sau đây:

Hình thức thứ nhất: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sử dụng cơ quan chuyên môn thuộc quyền quản lý, có đủ năng lực để trực tiếp thẩm tra quyết toán hoặc quyết định thành lập tổ tư vấn thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Hình thức thứ hai: Thuê tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Khi được người có thẩm quyền cho phép thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án, chủ đầu tư lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để triển khai thực hiện. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán theo quy định của Quy chế đấu thầu.

1.3. Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án hoàn thành, cơ quan (đơn vị) chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện việc kiểm tra theo các nội dung sau:

- Kiểm tra trình tự, nội dung thực hiện kiểm toán có đảm bảo yêu cầu theo quy định hay không. Trường hợp cần thiết, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán để yêu cầu cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán bổ sung hoặc tự tổ chức thẩm tra bổ sung (nếu kết quả kiểm toán chưa đảm bảo yêu cầu so quy định).

- Kiểm tra những căn cứ pháp lý mà tổ chức kiểm toán sử dụng để kiểm toán so với quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng như: cơ chế quản lý, thanh toán vốn đầu tư, tiêu

chuẩn, quy phạm, quy chuẩn xây dựng, hệ thống định mức - đơn giá...

- Kiểm tra, xem xét những nội dung còn khác nhau giữa chủ đầu tư và tổ chức kiểm toán độc lập.

1.4. Căn cứ kết quả kiểm toán và kết quả thẩm tra; cơ quan (đơn vị) chủ trì thẩm tra quyết toán có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án để trình người có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án được quy định tại điểm 2 dưới đây.

1.5. Riêng đối với Báo cáo quyết toán các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước tổ chức kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm 2 dưới đây để xác định số liệu quyết toán vốn đầu tư gửi về Bộ Tài chính kèm theo văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán. Trường hợp phát hiện sai sót, yêu cầu chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trước khi có văn bản đề nghị Bộ Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán.

2. Nội dung thẩm tra (kiểm tra, kiểm toán) và nội dung của Báo cáo kết quả thẩm tra (báo cáo kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán) quyết toán vốn đầu tư:

Cơ quan (đơn vị) chủ trì thẩm tra, kiểm tra quyết toán nói trên, tổ chức kiểm toán độc lập phải thực hiện thẩm tra (kiểm tra, kiểm toán) và lập báo cáo kết quả thẩm tra (kết quả kiểm tra, kiểm toán) quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo trình tự và nội dung cụ thể như sau:

2.1. Đối với dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành:

2.1.1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý:

- Thẩm tra việc chấp hành trình tự thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào sản xuất, sử dụng.

- Thẩm tra việc chấp hành Quy chế đấu thầu của dự án.

- Thẩm tra tính pháp lý của các hợp đồng kinh tế do chủ đầu tư ký với các nhà thầu (tư vấn, xây lắp, cung ứng vật tư thiết bị) để thực hiện dự án.

2.1.2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án:

- Đối chiếu số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán chủ đầu tư báo cáo với số xác nhận của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán liên quan; đối chiếu với nguồn vốn theo cơ cấu nguồn được xác định trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Thẩm tra sự phù hợp trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư so với cơ cấu xác định trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

2.1.3. Thẩm tra chi phí đầu tư:

2.1.3.1. Đối với dự án thực hiện theo phương thức đấu thầu hợp đồng trọn gói và hợp đồng chìa khóa trao tay (EPC):

Đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với giá trị và các điều kiện nêu trong hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, hồ sơ hoàn công, với giá trúng thầu được duyệt và các tài liệu liên quan.

Thẩm tra giá trị phát sinh (nếu có): Xác định rõ nguyên nhân tăng giảm. Đối chiếu với văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, việc áp dụng các chính sách chế độ quy định liên quan để thanh toán chi phí đầu tư phát sinh.

2.1.3.2. Đối với dự án thực hiện theo phương thức đấu thầu hợp đồng có điều chỉnh giá:

Thẩm tra chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: Đối chiếu khối lượng quyết toán với hồ sơ dự thầu của gói thầu, giá trúng thầu được duyệt, các điều kiện nêu trong hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan.

Thẩm tra giá trị phát sinh (nếu có): Xác định rõ nguyên nhân tăng giảm, đối chiếu với văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, việc áp dụng các chính sách chế độ quy định liên quan để thanh toán chi phí đầu tư phát sinh.

2.1.3.3. Đối với dự án thực hiện theo phương thức chỉ định thầu:

Thẩm tra chi phí đầu tư đề nghị quyết toán (chi tiết từng hợp đồng): Đối chiếu với dự toán được duyệt, các điều kiện nêu trong hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan.

Thẩm tra giá trị phát sinh (nếu có): Xác định rõ nguyên nhân tăng giảm. đối chiếu với văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền, việc áp dụng các chính sách chế độ quy định liên quan để thanh toán chi phí đầu tư phát sinh.

2.1.3.4. Thẩm tra các khoản chi phí khác:

Thẩm tra chi tiết từng nhóm loại, từng khoản mục, từng khoản chi phí so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định:

- Thẩm tra các khoản chi phí tư vấn thực hiện theo hợp đồng;
- Thẩm tra chi phí do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện;
- Thẩm tra chi phí ban quản lý dự án.

2.1.4. Thẩm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, dịch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm.

- Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.1.5. Thẩm tra việc xác định số lượng, giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: Thẩm tra số lượng và giá trị tài sản chi tiết theo nhóm, loại thuộc tài sản cố định và tài sản lưu động; nguyên giá (đơn giá) của từng nhóm (loại) tài

sản theo thực tế chi phí và theo giá quy đổi về thời điểm bàn giao tài sản đưa vào sản xuất, sử dụng.

2.1.6. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư được quyết toán, tình hình thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để thẩm tra công nợ còn tồn tại của dự án.

- Thẩm tra số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: Căn cứ thực tế tiếp nhận và sử dụng vật tư thiết bị của dự án để xác định số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng, đề xuất phương án xử lý.

- Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản đầu tư cho hoạt động Ban quản lý dự án: Căn cứ biên bản kiểm kê đánh giá tài sản dành cho hoạt động Ban quản lý dự án tính đến ngày lập báo cáo quyết toán xác định số lượng, giá trị tài sản còn lại để bàn giao cho đơn vị sử dụng hoặc xử lý theo quy định.

2.1.7. Nhận xét đánh giá, kiến nghị:

- Nhận xét đánh giá về việc chấp hành quy chế của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.
- Nhận xét đánh giá về việc công tác quản lý chi phí đầu tư, tài sản đầu tư của dự án đối với chủ đầu tư.
- Nhận xét đánh giá về việc trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.

- Kiến nghị về giá trị quyết toán vốn đầu tư.

- Kiến nghị về xử lý các vấn đề có liên quan.

2.2. Đối với dự án quy hoạch và chi phí chuẩn bị đầu tư của các dự án được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.
- Thẩm tra nguồn vốn đầu tư thực hiện.
- Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng nhóm loại, từng khoản mục chi phí từng

khoản chi phí phát sinh so với dự toán được duyệt; chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

- Thẩm tra tình hình công nợ của dự án.
- Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành qua đầu tư (nếu có).

3. Phê duyệt quyết toán:

- Căn cứ báo cáo kết quả thẩm tra theo nội dung nêu trên; người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

- Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- + Chủ đầu tư;
- + Cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư;

- + Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán;
- + Cơ quan tài chính đồng cấp quản lý của chủ đầu tư;
- + Cơ quan khác có liên quan.

VI. CHI PHÍ THẨM TRA - PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN, CHI PHÍ KIỂM TOÁN

1. Mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán:

1.1. Căn cứ tổng mức đầu tư và đặc điểm của dự án, chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng mức đầu tư của dự án, mức trích tối đa theo quy định ở Bảng sau (Mức tối thiểu là 300.000 đồng):

BẢNG CHI PHÍ THẨM TRA - PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN,
CHI PHÍ KIỂM TOÁN QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Đơn vị tính: %

Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	≤ 0,5	1	10	25	50	100	500	1 ngàn	5 ngàn	10 ngàn	≥ 20 ngàn
Chi phí thẩm tra - phê duyệt	0.2	0, 12	0,09	0,08	0,07	0,06	0,031	0,02	0,01	0,006	0,004
Chi phí kiểm toán	0.25	0,15	0.135	0,096	0.084	0,072	0,04	0,024	0,015	0,008	0.005

1.2. Đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng công ty Nhà nước được hưởng chi phí để thực hiện công tác tổ chức kiểm tra, xác định số liệu quyết toán vốn đầu tư trước khi đề nghị Bộ Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán với mức tối đa bằng 50% mức

chi phí thẩm tra, phê duyệt được quy định ở bảng trên.

1.3. Trường hợp dự án được phép thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán, thì cơ quan (đơn vị) chủ trì thẩm tra quyết toán được chi cho công tác thẩm tra - phê duyệt tối đa bằng 50% mức chi phí thẩm tra phê duyệt quy định ở bảng trên.

1.4. Trường hợp cần nội suy để xác định mức

09640342

trích chi phí kiểm toán, chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán thì áp dụng theo công thức tổng quát sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó:

+ K_i là định mức chi phí tương ứng với quy mô dự án cần tính (đơn vị tính là %).

+ K_a là định mức chi phí tương ứng với quy mô dự án cận trên (đơn vị tính là %).

+ K_b là định mức chi phí tương ứng với quy mô dự án cận dưới (đơn vị tính là %).

+ G_i là tổng mức đầu tư của dự án cần tính, đơn vị: tỷ đồng.

+ G_a là tổng mức đầu tư của dự án cận trên, đơn vị: tỷ đồng.

+ G_b là tổng mức đầu tư của dự án cận dưới, đơn vị: tỷ đồng.

1.5. Trường hợp dự án có cơ cấu vốn thiết bị chiếm từ 51% trở lên so tổng mức đầu tư thì mức chi phí kiểm toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán bằng 70% mức trích tương ứng quy định ở bảng trên.

1.6. Trường hợp quyết toán hạng mục công trình hoàn thành, mức trích chi phí kiểm toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{chi phí} \\ \text{của} \\ \text{hạng} \\ \text{mục} \\ \text{công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức} \\ \text{chi phí} \\ \text{của} \\ \text{cả} \\ \text{dự án} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{của} \\ \text{hạng} \\ \text{mục} \\ \text{công} \\ \text{trình} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng mức đầu tư} \\ \text{của dự án} \end{array}} \times 85\%$$

1.7. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có thể quyết định thuê tư vấn kiểm tra lại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án thì chi phí thanh toán cho tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra này tối đa bằng 10% mức trích chi phí thẩm tra phê duyệt quy định nêu trên.

2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán:

2.1. Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định và đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm tra, chủ đầu tư thực hiện chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo các nội dung sau:

- Chi trả thù lao cho các thành viên tham gia thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (nếu có).

- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch vụ, in ấn, hội nghị, hội thảo và các khoản chi khác phục vụ cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

3. Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư được tính vào chi phí khác trong giá trị quyết toán của dự án.

VII. THỜI HẠN QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Thời gian lập báo cáo quyết toán không quá 12 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia và không quá 09 tháng với dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước tính từ ngày tổng nghiệm thu, bàn giao đưa dự án vào sử dụng. Thời gian kiểm toán không quá 06 tháng tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực. Thời gian kiểm tra không quá 03 tháng; Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết

toán vốn đầu tư không quá 04 tháng tính từ ngày cơ quan chủ trì kiểm tra, thẩm tra nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với dự án nhóm A khác: Thời gian lập báo cáo quyết toán không quá 09 tháng tính từ ngày tổng nghiệm thu, bàn giao dự án. Thời gian kiểm toán không quá 06 tháng tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư không quá 03 tháng tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này.

3. Đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng và hạng mục công trình độc lập: Thời gian lập báo cáo quyết toán không quá 03 tháng tính từ ngày nghiệm thu, bàn giao dự án. Thời gian kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư (nếu có) không quá 02 tháng tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư không quá 02 tháng tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này.

4. Đối với dự án còn lại: Thời gian lập báo cáo quyết toán không quá 06 tháng tính từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Thời gian kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư (nếu có) không quá 04 tháng tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư không quá 04 tháng tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư đầy đủ nội dung và đảm bảo thời gian quy định của Thông tư này.
- Trình duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán vốn

đầu tư đúng quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý đối với tài liệu trong hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra (kiểm tra, kiểm toán).

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán, ký và tổ chức thực hiện hợp đồng kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất nếu gây lãng phí, thất thoát vốn đầu tư của dự án.

- Cùng với nhà thầu, cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ cho dự án xử lý dứt điểm các vấn đề tồn tại trong quá trình quyết toán vốn đầu tư.

- Thực hiện thu hồi đầy đủ số vốn đầu tư đã chi trả cho cá nhân, đơn vị sai so với chế độ quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị nhận thầu (tư vấn, xây lắp, cung cấp thiết bị, cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ cho dự án):

- Thực hiện quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định.

- Cùng với chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết. Hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán thuộc phạm vi trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan đã cung cấp cho chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

- Hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn đầu tư mà chủ đầu tư đã chi trả sai so chế độ quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư:

- Quản lý khoản kinh phí 5% chờ quyết toán và tổ chức thanh toán theo quy định tại Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ.

09640342
 Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
 LawSoft

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã cấp, cho vay và thanh toán đối với dự án đồng thời có nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư về quá trình đầu tư của dự án theo Mẫu số 08/QTDA kèm theo Thông tư này.

- Phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn đã chi trả cho các cá nhân, đơn vị sai so với chế độ quy định.

4. Trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập:

- Thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án trong phạm vi yêu cầu; đảm bảo khách quan, trung thực, chính xác; đảm bảo trình tự, nội dung, chất lượng và mức chi phí theo quy định của Thông tư này.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước khách hàng và người sử dụng kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán đã thực hiện.

Trường hợp cơ quan kiểm toán vi phạm quy định của Nhà nước về kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán có thể quyết định thu hồi một phần hay toàn bộ chi phí kiểm toán chủ đầu tư đã chi trả cho đơn vị kiểm toán tùy theo mức độ vi phạm.

5. Trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư kịp thời, đầy đủ nội dung biểu mẫu theo quy định.

- Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán vốn đầu tư.

- Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả trực tiếp thẩm tra.

- Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư thu hồi số vốn đã thanh toán cho các

nhà thầu lớn hơn so với vốn đầu tư được quyết toán.

6. Trách nhiệm của thủ trưởng các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, các chủ đầu tư, các cơ quan thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư (lập, trình duyệt, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư) theo quy định tại Thông tư này.

- Tổ chức kiểm tra theo quy định, chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán đề nghị Bộ Tài chính thẩm tra phê duyệt đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- Bố trí đủ vốn để thanh toán cho dự án trong năm có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư thu hồi số vốn đầu tư đã chi trả sai so với chế độ quy định cho các nhà thầu, cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ cho dự án.

7. Trách nhiệm của cơ quan tài chính các cấp:

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định. Trường hợp phát hiện có sai sót trong công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán, có quyền yêu cầu cấp phê duyệt quyết toán điều chỉnh lại cho đúng; đồng thời xử lý hoặc đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

IX. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

1. Chế độ báo cáo:

1.1. Đối với dự án trung ương quản lý:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi

cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo Mẫu số 02/THQT kèm theo; chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

- Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm theo Mẫu số 01/THQT gửi cơ quan quản lý cấp trên; chậm nhất vào ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng công ty 91 có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm theo Mẫu số 01/THQT gửi Bộ Tài chính; chậm nhất vào ngày 31 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15 tháng 02 năm sau đối với báo cáo năm.

1.2. Đối với dự án địa phương quản lý:

- Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo Mẫu số 02/THQT kèm theo; chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

- Phòng Tài chính quận, huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm theo Mẫu số 01/THQT gửi Sở Tài chính; chậm nhất vào ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

- Sở Tài chính vật giá có trách nhiệm tổng hợp tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc địa phương quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm theo Mẫu số 01/THQT gửi Bộ Tài chính; chậm nhất vào ngày 31 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15 tháng 02 năm sau đối với báo cáo năm.

1.3. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trong cả nước báo cáo Chính phủ theo Mẫu số 01/THQT định kỳ 6 tháng, hàng năm; chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 28 tháng 02 năm sau đối với báo cáo năm.

2. Kiểm tra xử lý vi phạm:

Các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này để kịp thời uốn nắn và xử lý các vi phạm. Tổ chức cá nhân không thực hiện đúng quy định về quyết toán vốn đầu tư gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản nhà nước phải bồi thường và bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy tố theo quy định của pháp luật.

Phần III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư số 70/2000/TT-BTC ngày 17/7/2000 của Bộ Tài chính.

Nhà nước khuyến khích việc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định của Thông tư này đối với các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

HỆ THỐNG MẪU BIỂU QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

(ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính).

09640342

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

Mẫu số: 01/QTDA

(ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH**

Tên dự án:

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư:

Cấp trên chủ đầu tư:

Cấp quyết định đầu tư:

Địa điểm xây dựng:

Quy mô công trình: Được duyệt: Thực hiện.....

Tổng mức đầu tư được duyệt:.....

Thời gian khởi công - hoàn thành: Được duyệt: Thực hiện.....

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: đồng

	Được duyệt	Thực hiện	Tăng (+), giảm (-) so được duyệt
1	2	3	4
Tổng cộng - Vốn ngân sách nhà nước - Vốn vay: + Vay trong nước + Vay nước ngoài - Vốn khác			

II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Số thứ tự	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so dự toán được duyệt
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
1	Xây lắp				
2	Thiết bị				
3	Khác				
4	Dự phòng				

2. Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Số thứ tự	Nội dung chi phí	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán (đồng)			
		Tổng số	Gồm		
			Hợp đồng trọn gói	Hợp đồng có điều chỉnh giá	Chỉ định thầu
1	2	3	4	5	6
	Tổng số Xây lắp: Thiết bị: Chi phí khác:				

III. CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ DUYỆT BỎ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ TÀI SẢN HÌNH THÀNH QUA ĐẦU TƯ

IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN HÌNH THÀNH QUA ĐẦU TƯ

Số thứ tự	Nhóm tài sản	Giá trị tài sản (đồng)	
		Thực tế	Giá quy đổi
1	2	3	4
	Tổng số		
-	Tài sản cố định		
-	Tài sản lưu động		

V. THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện dự án.
- Những thay đổi nội dung của dự án so quyết định đầu tư được duyệt:
- + Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.
- + Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.
- + Thay đổi về hình thức lựa chọn nhà thầu so chủ trương được duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý tiền vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị:

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 02/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Số thứ tự	Tên văn bản	Ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

09640342

Mẫu số: 03/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
QUA CÁC NĂM**

Số thứ tự	Năm	Kế hoạch	Vốn đầu tư thực hiện			Vốn đầu tư quy đổi				
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			
				Xây lắp	Thiết bị		Chi phí khác	Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng									

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

09640342

Mẫu số: 04/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

**QUYẾT TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
THEO CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC HOÀN THÀNH**

Đơn vị: đồng

Tên công trình (hạng mục công trình)	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán				
		Tổng số	Gồm			
			Xây lắp	Thiết bị	Chi phí khác trực tiếp	Chi phí khác phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số - Công trình (HMCT) - Công trình (HMCT)						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

09640342

Mẫu số: 05/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH MỚI TẶNG

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Tên và ký hiệu TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị		Tổng nguyên giá		Ngày tháng năm đưa TSCĐ vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
				Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tổng số									
2										
3										

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 06/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN LƯU ĐỘNG BÀN GIAO

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị		Giá trị		Đơn vị tiếp nhận sử dụng
				Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							

09640342

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 07/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
(Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị thực hiện được A - B chấp nhận thanh toán	Đã chi trả	Công nợ còn tồn đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số Đơn vị A:	-					
2	Đơn vị B:	-					
3	-					

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

BẢNG ĐỐI CHIẾU
SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn:.....

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư:
 4. Tên cơ quan cho vay, thanh toán:
- A. TÌNH HÌNH CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN:**

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Tổng số	Gồm			Ghi chú
			Xây lắp	Thiết bị	Khác	
1	2	3	4	5	6	7
I.	Số liệu của chủ đầu tư					
1	- Lũy kế số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công					
2	- Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.					
II.	Số liệu của cơ quan cấp, cho vay, thanh toán					
1	- Lũy kế số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công					
2	- Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.					
III.	Chênh lệch					

Giải thích nguyên nhân chênh lệch (Tăng ?, giảm ?)

B. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét:
 - Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng.
 - Chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư.
2. Kết quả kiểm soát qua quá trình cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư thực hiện dự án:
3. Kiến nghị: về nguồn vốn đầu tư và chi phí đầu tư đề nghị quyết toán thuộc phạm vi quản lý.

Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán

Phụ trách kế toán Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

09640342

Mẫu số: 09/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH

Của Dự án:.....

(Dùng cho dự án Quy hoạch và Chuẩn bị đầu tư)

I. VĂN BẢN PHÁP LÝ

Số thứ tự	Tên văn bản	Ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản	Tên cơ quan duyệt	Tổng giá trị phê duyệt (nếu có)
1	2	3	4	5
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án - Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án quy hoạch) - Văn bản phê duyệt dự toán chi phí - Quyết định phê duyệt quy hoạch (đối với dự án quy hoạch) - Quyết định phê duyệt hủy bỏ dự án 			09640342

II. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ**1. Nguồn vốn đầu tư**

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn đầu tư	Được duyệt	Thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
<p style="text-align: center;">Tổng số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn ngân sách nhà nước - Vốn vay - Vốn khác <p style="text-align: center;">Tổng cộng:</p>			

2. Vốn đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung chi phí	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán	Tăng (+) Giảm (-)
1	2	3	4
Tổng số			

3. Số lượng, giá trị tài sản cố định mới tăng và tài sản lưu động hình thành qua đầu tư, chi tiết từng nhóm, loại tài sản, tên đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng tài sản (nếu có):

III - THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

1. Tình hình thực hiện:

- Thuận lợi, khó khăn.
- Những thay đổi nội dung của dự án so với chủ trương được duyệt.

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý vốn và tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị:

- Kiến nghị về việc giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án.
- Kiến nghị khác.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Chủ đầu tư

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 10/QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

Cơ quan phê duyệt

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH CỦA.....**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
...(NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT)**

Căn cứ:.....

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1: PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH:**

- Tên dự án:
- Tên công trình, hạng mục công trình:
- Chủ đầu tư:
- Địa điểm xây dựng:
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):

Điều 2: KẾT QUẢ ĐẦU TƯ:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện (1)
1	2	3
Tổng số - Vốn ngân sách nhà nước - Vốn vay: + Vay trong nước + Vay nước ngoài - Vốn khác		

Chú thích (1): Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
1	2	3
Tổng số - Xây lắp - Thiết bị - Chi phí khác		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Công trình (HMCT) thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình (HMCT) giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số 1. Tài sản cố định 2. Tài sản lưu động				

Điều 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số - Vốn ngân sách - Vốn vay: + Vay trong nước + Vay nước ngoài - Vốn khác		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày.....tháng.....năm.....là:

Tổng nợ phải thu:

Tổng nợ phải trả:

Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục số:.....kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)	Chi tiết theo nguồn vốn
1	2	3	4

.....

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có).

Điều 4: THỰC HIỆN:.....

Nơi nhận:

Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 01.QTDA

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

I. Mẫu số 01/QTDA:

1. Phần I: Nguồn vốn đầu tư: Phản ánh tình hình tiếp nhận, quản lý nguồn vốn đầu tư dự án (công trình, hạng mục công trình) theo từng loại nguồn vốn. Cụ thể:

Cột 1: Phản ánh đầy đủ từng loại nguồn vốn tham gia đầu tư dự án.

- Vốn ngân sách nhà nước bao gồm: nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư; nguồn vốn của Chính phủ Việt Nam vay nợ, nhận viện trợ từ nước ngoài để đầu tư cho dự án.

- Vốn vay:

+ Vay ngoài nước: Phản ánh số vốn do chủ đầu tư trực tiếp vay tổ chức, cá nhân ở nước ngoài để đầu tư.

+ Vay trong nước: Phản ánh số vốn do chủ đầu tư trực tiếp vay các tổ chức, cá nhân trong nước.

- Vốn khác: Các nguồn vốn ngoài các nguồn nêu trên.

Cột 2: Phản ánh nguồn vốn đầu tư cho dự án được cấp có thẩm quyền duyệt trong Quyết định đầu tư dự án.

Cột 3: Phản ánh nguồn vốn thực tế đầu tư cho dự án tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo quyết toán.

2- Phần II - Chi phí đầu tư:

a) Điểm 1. Tổng hợp chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

- Cột 3: Ghi giá trị tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền duyệt trong quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án.

- Cột 4: Ghi giá trị tổng dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt trong quyết định phê duyệt tổng dự toán hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán.

- Cột 5: Ghi chi phí đầu tư dự án (công trình, hạng mục công trình) hoàn thành chủ đầu tư đề nghị quyết toán.

b) Điểm 2: Chi tiết chi phí đầu tư đề nghị quyết toán

Phần này nêu chi tiết chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán theo từng hình thức thực hiện hợp đồng (trọn gói, điều chỉnh giá, chỉ định thầu và chi tiết cơ cấu chi phí đầu tư.

3. Phần III. Chi phí đầu tư đề nghị duyệt bỏ không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: Phản ánh toàn bộ những khoản đã chi phí nhưng do nguyên nhân khách quan: thiên tai (bão, lụt, cháy nổ),... làm thiệt hại, được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép duyệt bỏ không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

4. Phần IV. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Cột 3: Phản ánh giá trị của tài sản theo thực tế chi phí.

Cột 4: Phản ánh giá trị của tài sản theo giá quy đổi tính đến thời điểm bàn giao tài sản cho sản xuất, sử dụng.

II. Mẫu số 02/QTDA: Phản ánh các văn bản liên quan đến chủ trương thực hiện đầu tư, chi phí đầu tư chủ đầu tư đề nghị quyết toán.

- Cột 5: Ghi tổng giá trị được duyệt trong các văn bản phê duyệt. Như Tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, tổng giá trị của gói thầu...

III. Mẫu số 03/QTDA: Phản ánh tình hình giải ngân vốn đầu tư qua các năm làm cơ sở quy đổi vốn đầu tư quyết toán công trình.

IV. Mẫu số 04/QTDA: Phản ánh chi phí đầu tư đã thực hiện đề nghị quyết toán của từng công trình (hạng mục công trình) trong trường hợp dự án có từ hai công trình (hạng mục công trình) trở lên.

- Cột 6: Các chi phí khác liên quan trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình nào thì đưa vào công trình, hạng mục công trình đó.

Cột 7: Các chi phí khác phân bổ cho công trình, hạng mục công trình theo nguyên tắc phân bổ sau:

- Các chi phí về thuế sử dụng đất, chi đền bù, chi phí phá và tháo dỡ vật kiến trúc, chi san lấp mặt bằng, thu dọn mặt bằng, chi khảo sát, thiết kế kỹ thuật xây dựng: chỉ tính phân bổ cho công trình (hạng mục công trình) liên quan theo tỷ trọng vốn xây lắp hoàn thành.

- Chi phí chạy thử không tải, có tải: chỉ tính, phân bổ cho các công trình, hạng mục công trình có máy móc thiết bị liên quan đến dây chuyền sản xuất theo tỷ lệ vốn thiết bị và chi phí lắp đặt thiết bị.

- Các chi phí chung liên quan đến tất cả các công trình, hạng mục công trình phân bổ cho các công trình, hạng mục công trình theo tỷ lệ vốn xây lắp và thiết bị hoàn thành.

V. Mẫu số 05/QTDA: Phản ánh toàn bộ tài sản hình thành qua đầu tư cả về số lượng, nguyên giá và theo giá quy đổi; chi tiết theo từng đơn vị tiếp nhận tài sản bàn giao.

VI. Mẫu số 06/QTDA: Phản ánh toàn bộ tài sản lưu động bàn giao cho sản xuất sử dụng khi công trình (hạng mục công trình hoàn thành) về số lượng, đơn giá theo chi phí thực tế và theo giá quy đổi; chi tiết tên đơn vị tiếp nhận tài sản bàn giao.

VII. Mẫu số 07/QTDA: Phản ánh giá trị thực hiện, tình hình thanh toán và công nợ của dự án; chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị tham gia thực hiện dự án tính từ khi thực hiện hợp đồng đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án.

VIII. Biểu 08/QTDA: Lập riêng từng bảng đối chiếu xác nhận cho từng nguồn vốn đầu tư, cho từng cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư của dự án.

IX. Mẫu số 09/QTDA: Mẫu này áp dụng cho các dự án quy hoạch và chi phí chuẩn bị đầu tư được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Cách ghi tương tự như Mẫu số 01/QTDA nêu trên.

X. Mẫu số 10/QTDA:

Điều 2. Kết quả đầu tư:

Điểm 1. Nguồn vốn đầu tư:

Cột 2: Phản ánh các nguồn vốn đầu tư cho dự án được cấp có thẩm quyền duyệt tại Quyết định đầu tư dự án (hoặc Quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư).

Cột 3: Ghi nguồn vốn thực tế đầu tư cho dự án được phê duyệt.

Điểm 2. Chi phí đầu tư:

- Cột 2: Ghi giá trị tổng dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt trong quyết định phê duyệt tổng dự toán hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán.

- Cột 3: Ghi chi phí đầu tư được quyết toán.

Điểm 3. Phản ánh giá trị tài sản hình thành qua đầu tư theo giá trị được phê duyệt; có bản chi tiết giá trị tài sản theo công trình do chủ đầu tư quản lý sử dụng hay giao cho cơ quan, đơn vị khác quản lý sử dụng theo thực tế chi phí và theo giá quy đổi kèm theo.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Nêu trách nhiệm của chủ đầu tư được phép tất toán nguồn, chi phí đầu tư cho công trình và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán vốn đầu tư được phê duyệt (giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo thực tế).

2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan:

Đối với cơ quan đơn vị được tiếp nhận tài sản hình thành qua đầu tư: Nêu rõ tên từng cơ quan

đơn vị được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm ghi tăng vốn và tài sản theo giá trị được duyệt theo giá quy đổi tính đến ngày được tiếp nhận bàn giao (chi tiết rõ giá trị từng tài sản, nhóm loại tài sản).

**MẪU BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ
DỰ ÁN HOÀN THÀNH**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/
TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính)*

Mẫu số 01/THQT

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

Tên đơn vị báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH.....

Của.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số thứ tự	Nhóm dự án	Tổng số dự án	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt			Chênh lệch	Tỷ lệ (%)	
				Tổng số	Nguồn				
					NSNN	Vay tín dụng NN			Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Trong kỳ								
	Tổng số								
1	Nhóm A								
2	Nhóm B								
3	Nhóm C								
II	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ								
	Tổng số								
1	Nhóm A								
2	Nhóm B								
3	Nhóm C								

B. DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐÃ NỘP BÁO CÁO CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Số thứ tự	Nhóm dự án	Tổng số dự án	Tổng dự toán được duyệt	Tổng giá trị quyết toán	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
1	Dự án nhóm A				
2	Dự án nhóm B				
3	Dự án nhóm C				

C. TỔNG SỐ DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH CHƯA TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN:

Trong đó: nhóm A:..., nhóm B:..., nhóm C:....).

D. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH (THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ).

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02/THQT

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính

Tên đơn vị báo cáo:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ QUÝ (NĂM)

Của.....

A. DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐÃ TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số thứ tự	Tên dự án	Tổng dự toán được duyệt	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Cơ quan nhận báo cáo	Ngày nộp
1	2	3	4	5	6
	Tổng số				
1	Nhóm A				
				
2	Nhóm B				
				
3	Nhóm C				
				

B. DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH CHƯA TRÌNH DUYỆT QUYẾT TOÁN

Số thứ tự	Tên dự án (công trình, HMCT)	Ngày dự án hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Nguyên nhân chưa lập, nộp báo cáo
1	2	3	4	5
	Tổng số			
1	Dự án nhóm A			
			
2	Dự án nhóm B			
			
3	Dự án nhóm C			
			

C. KIẾN NGHỊ

....., Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)